TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG
Số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2024
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Hồng Chiến
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông: Võ Khắc Chương

Bà: Nguyễn Thị Lan Hương

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Văn Hoàng– Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ*, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc "*Ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Số 129, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2. Bị đơn: Ông Phan Đình H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K – Bộ Công An

(Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên toà; Các đương sự có đơn và ý kiến xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày thì:

Bà và ông Phan Đình H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian thì đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2020 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi tổ chức đám cưới xong thì vợ chồng làm ăn sinh sống tại địa phương ở cùng gia đình bố mẹ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuận ngày càng gay gắt; dẫn đến đầu năm 2021 thì bà về nhà bố mẹ ruột làm ăn sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân là do ông H sống không chung thuỷ vợ chồng; ngoại tình; thập chí là phạm tội hiếp dâm và bị xử án phạt tù; hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam K – Bộ công an. Sự việc xẩy ra khiến bà suy sụp về mặt tinh thần lẫn thể chất.

Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết; mục đích hôn nhân không đạt được; nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng cho cả hai. Vì vậy, bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Đình H.

Về con chung và tài sản chung cũng như nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

* Ý kiến của bị đơn: Qua làm việc với ông Phan Đình H tại Trại giam K – Bộ Công an; sau khi thông báo nội dung đơn khởi kiện; thông báo thụ lý vụ án về việc xin ly hôn của bà Trần Thị L là vợ ông, thì ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Ngoài ra, ông H cũng xác định giữa ông và bà Trần Thị L không có con chung; tài sản chung cũng như nợ chung.

Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được công bố, thẩm định tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa; các đương sự đã có đơn và ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 228 và 232 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị L và ông Phan Đình H có đăng ký kết hôn và làm ăn sinh sống tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên mâu thuẫn nên bà L có yêu cầu ly hôn với ông H. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn giữa nguyên đơn là bà Trần Thị L và bị đơn ông Phan Đình H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ngày càng gay gắt, không có tiếng nói chung; không còn khả năng hàn gắn; mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân dỗ vỡ hạnh phúc gia đình dẫn đến xin ly hôn của Bà L là vì ông H sống không chung thuỷ vợ chồng; thậm chí phạm tội Hiếp dâm; qua đối chiếu xác minh tài liệu thu thập của Toà án thì ông H đang chấp hành hình phạt tù về tội Hiếp dâm. Điều đó, thể hiện bản chất ông H có lối sống buông thả vi phạm thuần phong mĩ tục, đạo đức lối sống; vi phạm pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là chính đáng nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Qua tài liệu của Toà án thu thập tại bản án số 60/2022 ngày 09/6/2022 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tại phần lý lịch bị cáo H thì thể hiện bị cáo H có vợ là Trần Thị L và có một con chung sinh năm 2013. Tuy nhiên, qua lời khai của nguyên đơn thì trước khi kết hôn với ông H

vào năm 2020 thì bà có một con riêng; điều này cũng đã được ông H xác nhận. Hơn nữa, qua thu thập chứng cứ giấy khai sinh số 185/2013 quyển số 01/2013 đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/10/2013 thì con của bà L tên là Trần Thị Ngọc V, sinh ngày 10/9/2013, trong phần khai họ và tên cha để trống. Điều đó, xác định ông H, bà L không có con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 92 luật tố tụng dân sự quy định những tài liệu, chứng cứ không cần chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Buộc bà Trần Thị L phải nộp 300.000 tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 203 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Phan Đình H được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc Trần Thị L phải nộp 300.000đ án phí nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp trước theo biên lai thu số 0003342 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, Lâm Đồng. Bà L đã nộp xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/3/2024). Đương sự vắng mặt thì kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA